

Số: **HH8**/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng **5** năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Tình hình thời tiết

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 4 năm 2024: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 1,0°C - 3,0°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ. Tổng lượng mưa phổ biến thiếu hụt từ 30 - 60mm so với TBNN cùng thời kỳ.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 31 tháng 5 năm 2024: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 1,5°C - 2,5°C. Nhiệt độ trung bình từ 29,5°C - 30,5°C. Tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn từ 20 - 40mm so với TBNN cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 70 - 150 mm.

2. Tiến độ sản xuất cây trồng

a) Cây lúa

Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Hè thu 2024	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	-	Mạ	2.171,0
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	439,0
Làm đòng	-	Làm đòng	-
Trổ	-	Trổ	-
Chín	-	Chín	-
Thu hoạch	4.257,0	Thu hoạch	-
Tổng	4.257,0	Tổng	2.610,0

b) Cây trồng khác

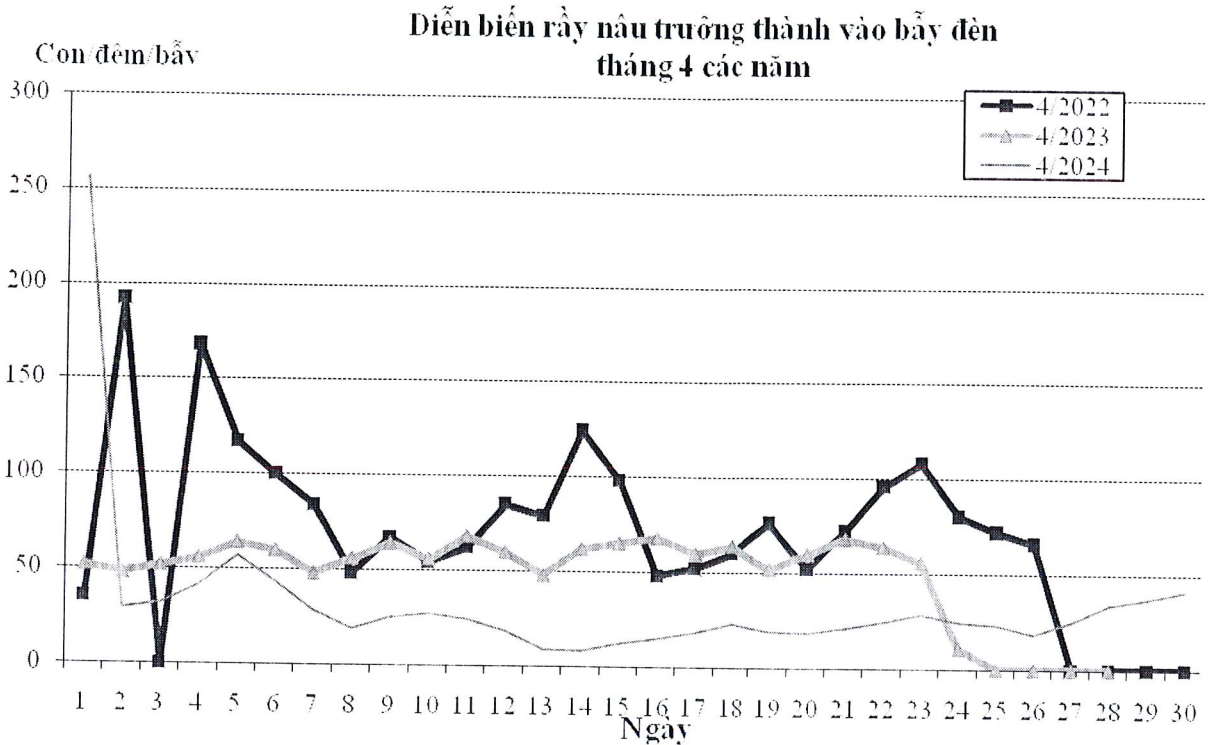
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Hè thu 2024		1.604,4	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.068
- RALNN	Nhiều giai đoạn	343,5	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	93,6	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	73,3	Bắp	-	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	59,7	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	106,9	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.319,5
- RMN	Nhiều giai đoạn	446,7			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN DỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 04/2024

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Cây lúa

- Vụ Đông xuân 2023 - 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	OBV	2-4			Các giai đoạn	HM
2	Chuột	3-5			Các giai đoạn	HM,BT
3	Đạo ôn	5-10%			1-3	BT

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

- Vụ Hè thu 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-6			T1-3	CC, HM

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-6			T1-3	CC, HM
2	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC, HM
3	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhậy	10-20			1-5	HM, Q12, BC, BT, TĐ
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT, TĐ
3	Sâu tơ	10-25			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12, BC, HM
16	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM, Q12, BC, TĐ
17	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ, HM, Q12, BC, BT
18	Đốm lá	5-10%			1-3	HM, Q12, BC, TĐ
19	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	2-10			1-3	HM, TĐ
20	Vàng lá	10-20			1-3	TĐ, HM, CC

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Cây lúa

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 409,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (706,2 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, ốc bươu vàng và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ. Trong đó:

+ Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024 là 49,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (396,2 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi. Sinh vật gây hại chủ yếu là ốc bươu vàng với mức nhiễm nhẹ.

+ Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa vụ Hè thu 2024 là 360,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (310,0 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Hóc Môn, Củ Chi. Sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, ốc bươu vàng và chuột ở mức nhiễm nhẹ.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 3.198,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (2.807,7 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm sâu cuốn lá, bọ xít hôi, bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

2.2 Cây rau

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 455,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (431,5 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 816,8 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 83,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (66,2 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Sâu xanh: Diện tích nhiễm 34,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (30,7 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, thành phố Thủ Đức.

+ Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 25,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (18,8 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, thành phố Thủ Đức.

+ Rầy xám: Diện tích nhiễm 21,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (22,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 14,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (21,7 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Bình Chánh, Hóc Môn.

+ Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 13,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (7,1 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, thành phố Thủ Đức.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 2.317,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (2.811,5 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 5.583 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, dòi đục lá, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

2.3 Cây hoa kiểng

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 28,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (26,2 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 28,0 lượt ha chiếm 97,4% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,6 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước.

+ Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,9 ha).

+ Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây hoa kiểng là 151,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (167,6 ha), diện tích phòng trừ từ đầu năm đến nay là 150,0 lượt ha.

2.4 Cây trồng khác

- Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.
- Cây khoai mì: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.
- Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- Chú ý ốc bươu vàng gây hại đối với lúa Hè Thu mới xuống giống <15 ngày sau sạ. Áp dụng các biện pháp như cắm cọc gỗ, canh cây, thả rau xuống ruộng nước đầu ruộng, ... để dẫn dụ ốc tập trung đến ăn và dễ trứng nhằm dễ dàng thu gom, tiêu hủy.

- Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đóm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đóm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Các loại cây trồng khác

- Cây bắp: Cần lưu ý sâu keo mùa thu,... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cò. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đóm lá, chuột,...

- Cây khoai mì: Cần lưu ý bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- Cây dứa: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo dõi chặt chẽ diễn biến về thiên tai, thời tiết cực đoan, nhất là nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn; kiểm kê, nắm chắc thông tin về nguồn nước trên địa bàn để cập nhật phương án, kế hoạch phòng, chống nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn của địa phương phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra do nắng nóng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2024 đối với diện tích sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.
- Thực hiện tốt công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.
- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.
- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCVN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp.Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA
(Kèm theo Báo cáo số: **HH/BC-CCTTBVT**, ngày **07** tháng **5** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

1. Vụ Đông xuân 2023 - 2024

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	-	-	-	-	53,0	-	-	-
2	Bọ xít hôi	-	-	-	-	57,5	4,1	-	-
3	Sâu phao	-	-	-	-	1,0	-	-	-
4	Đạo ôn	1,0	-	-	1,0	57,5	0,2	BT	BT
5	Đốm vằn	-	-	-	-	52,9	-	-	-
6	OBV	46,0	-	-	46,0	612,0	389,0	HM	HM
7	Chuột	2,2	-	-	2,2	68,3	2,7	HM,BT	HM,BT
8	Lem lép hạt	-	-	-	-	-	0,2	-	-
	Tổng	49,2			49,2	902,2	396,2		

2. Vụ Hè thu 2024

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ trĩ	100,5	-	-	100,5	-	103,0	HM,CC	HM,CC
2	Sâu phao	-	-	-	-	-	31,0	-	-
3	OBV	182,0	-	-	182,0	6,0	90,0	-	-
4	Chuột	78,0	-	-	78,0	6,0	86,0	HM,CC	HM,CC
	Tổng	360,5			360,5	12,0	310,0		CC

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **HH8** /BC-CCTTBVTV, ngày **07** tháng **5** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ nhảy	25,9			25,9		18,8	58,6	HM,Q12,BC,BT,TĐ
2	Sâu xanh	34,4			34,4		30,7	64,4	HM,Q12,CC,BC,BT,TĐ
3	Sâu tơ	17,2			17,2		12,0	37,2	TĐ,HM,Q12,BC,BT
4	Dòi đục lá	0,3			0,3		0,2	0,5	HM,CC
5	Sâu đục trái	1,8			1,8		1,8	7,2	BC
6	Sâu ăn tạp	83,4			83,4		66,2	140,8	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bộ trĩ	0,7			0,7		5,8	2,5	BC
8	Rầy mềm	1,2			1,2		1,3	4,2	BC,BT
9	Rầy xanh	0,9			0,9		5,6	1,4	HM,BC,CC
10	Rầy xám	21,1			21,1		22,9	35,3	TĐ,HM,Q12
11	Bộ phấn	-			-		5,0	-	-
12	Sâu đục đọt	0,7			0,7		1,1	2,7	BC
13	Bộ xít đen	4,0			4,0		4,0		TĐ
14	Ruồi đục trái	4,4			4,4		4,6	17,1	BC
15	Ốc bươu vàng	216,8			216,8		208,6	352,6	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	0,7			0,7		0,6	2,1	Q12,BC,HM
17	Tnhũn/t.cài	7,7			7,7		4,5	13,8	HM,Q12,BC,TĐ
18	Rỉ trắng/RM	14,3			14,3		21,7	40,7	TĐ,HM,Q12,BC,BT
19	Đom lá	6,5			6,5		7,7	13,3	HM,Q12,BC,TĐ
20	Phán vàng/dưa leo, khô qua	0,5			0,5		1,3	1,0	HM,TĐ
21	Vàng lá	13,0			13,0		7,1	21,3	TĐ,HM,CC
	Tổng	455,5			455,5		431,5	816,8	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG

(Kèm theo Báo cáo số: **HHV** /BC-CCTTBVTV, ngày **07** tháng **5** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)		Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố	
		Nhệ-Tb	Nặng		MT	Kỳ trước			CKNT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Hoa lan	13,32			13,32	13,38	12,66	12,6	
1	Muối hại bông	4,04			4,04	4,07	5,32	3,9	TD, HM, Q12, CC, BC, BT, CG, Q7
2	Nhện đỏ	0,30			0,30	0,30	0,30	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,14			0,14	0,14	0,12	0,1	CC, BC
4	Bộ trĩ	0,80			0,80	0,80	0,57	0,7	CC, BC
5	Ốc sên	0,20			0,20	0,20	0,20	0,2	TD, CG
6	Đóm lá	3,41			3,41	3,51	2,46	3,2	TD, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khó đầu lá	1,65			1,65	1,55	1,45	1,7	TD, CG, Q7
8	Thối nhũn	1,26			1,26	1,26	0,92	1,1	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,45	0,42	0,3	CC
10	Vàng lá	0,70			0,70	0,70	0,70	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,20			0,20	0,20	0,10	0,2	BC
12	Rêu xanh	0,20			0,20	0,20	0,10	0,2	TD
II	Hoa mai	14,7			14,7	12,91	12,82	14,7	
1	Nhện đỏ	1,53			1,53	1,54	2,02	1,5	TD, HM, Q12, CG
2	Sâu ăn lá	4,87			4,87	4,67	3,50	4,9	TD, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bộ trĩ	3,45			3,45	2,24	2,87	3,5	TD, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,01			0,01	0,01	0,05	0,0	HM
5	Rệp vảy	0,09			0,09	0,10	-	0,1	HM, Q12
6	Rầy xanh	1,80			1,80	1,80	0,80	1,8	BC
7	Cháy lá	-			-	-	1,13	-	-
8	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,4	CG
9	Nấm hồng	1,60			1,60	1,20	1,10	1,6	BC, BT
10	Rong rêu	1,00			1,00	1,00	1,00	1,0	TD
III	Cây hoa khác	0,69			0,69	0,69	0,69	0,67	TD, CC, BC, BT, CG
	Tổng cộng	28,71			28,71	26,98	26,17	27,97	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

